BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

HUYỆN THANH LIÊM-TỈNH HÀ NAM

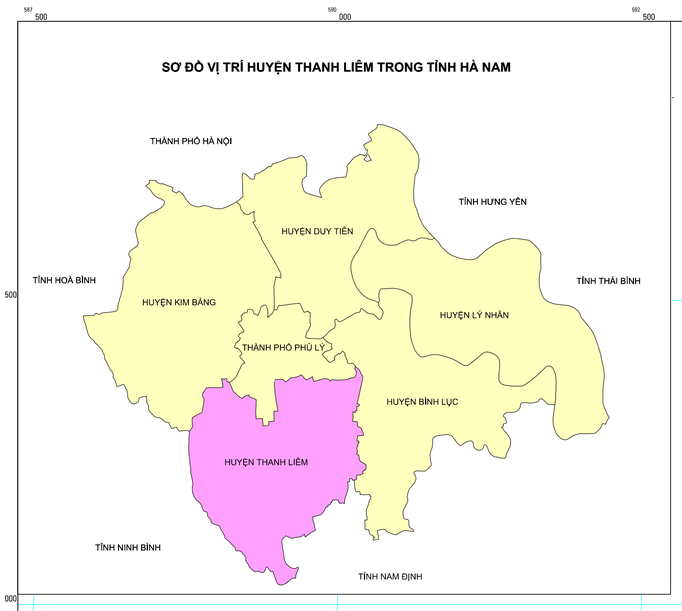

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

(Tổng diện tích tự nhiên: 16.491,81 ha)

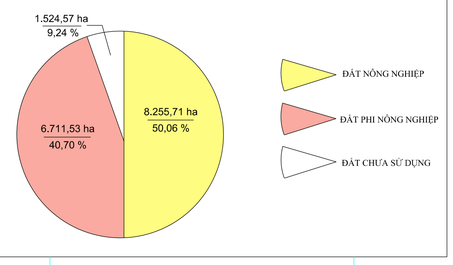

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH – CẤP TRÊN PHÂN BỔ	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH – CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
LUA	mã HT LUA	mã HT LUA	Đất trồng lúa
LUC	mã HT LUC	mã HT LUC	Đất chuyên trồng lúa
LUK	mã HT LUK	mã HT LUK	Đất trồng lúa còn lại
HNK		mã HT HNK	Đất trồng cây hàng năm khác
CLN	mã HT CLN	mã HT CLN	Đất trồng cây lâu năm
RPH	mã HT RPH	mã HT RPH	Đất rừng phòng hộ
RDD	mã HT RDD	mã HT RDD	Đất rừng đặc dụng
RSX	mã HT RSX	mã HT RSX	Đất rừng sản xuất
RSN	mã HT RSN		Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên
NTS		mã HT NTS	Đất nuôi trồng thuỷ sản
NKH		mã HT NKH	Đất nông nghiệp khác
CQP	mã HT CQP		Đất quốc phòng
CAN	mã HT CAN		Đất an ninh
SKK	mã HT SKK		Đất khu công nghiệp
SKN	mã HT SKN		Đất cụm công nghiệp
TMD	mã HT TMD	mã HT TMD	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	mã HT SKC	mã HT SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SKS	mã HT SKS	mã HT SKS	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
DHT	mã HT DHT	mã HT DHT	Đất phát triển hạ tầng
DGT	mã HT DGT	mã HT DGT	Đất công trình giao thông
DTL	mã HT DTL	mã HT DTL	Đất công trình thủy lợi
DCT	mã HT DCT	mã HT DCT	Đất công trình cấp nước, thoát nước
DVH	mã HT DVH	mã HT DVH	Đất xây dựng cơ sở văn hóa
DYT	mã HT DYT	mã HT DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	mã HT DGD	mã HT DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	mã HT DTT	mã HT DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao
DNL	mã HT DNL	mã HT DNL	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng
DBV	mã HT DBV	mã HT DBV	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin

KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH – CẤP TRÊN PHÂN BỔ	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH – CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
DDD	mã HT DDD		Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên
DRA	mã HT DRA	mã HT DRA	Đất công trình xử lý chất thải
TON	mã HT TON		Đất tôn giáo
NTD	mã HT NTD	mã HT NTD	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt
DKH		mã HT DKH	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ
DXH		mã HT DXH	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội
DCH		mã HT DCH	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối
DKV		mã HT DKV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng
ONT	mã HT ONT	mã HT ONT	Đất ở tại nông thôn
ODT	mã HT ODT		Đất ở tại đô thị
TSC	mã HT TSC	mã HT TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DSK	mã HT DSK	mã HT DSK	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác
DNG	mã HT DNG		Đất xây dựng cơ sở ngoại giao
TIN		mã HT TIN	Đất tín ngưỡng
SON		mã HT SON	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối
MNC		mã HT MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá
PNK		mã HT PNK	Đất phi nông nghiệp khác
CSD			Đất chưa sử dụng
mã HT	mã HT Năm KH / mã HT Năm KH		Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất - Năm KH: Năm kế hoạch sử dụng đất - DT: Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch

KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
		Địa giới hành chính cấp tỉnh
		Địa giới hành chính cấp huyện
		Địa giới hành chính cấp xã
		Trụ sở UBND cấp huyện
		Trụ sở UBND cấp xã
		Đình, chùa, miếu, đền
		Nhà thờ
		Đài phát thanh, truyền hình
		Sân vận động
		Trường học
		Bệnh viện, trạm y tế
		Bưu điện
		Đường sắt
QL18	QL18	Quốc lộ
Đường Tỉnh 497	Đường Tỉnh 497	Đường tỉnh
497	497	Đường huyện
		Đường liên xã
		Đường thôn, xóm, khu phố, đất nhỏ
		Đường hầm
		Đê
		Cầu
		Cầu vượt
		Cống
		Sông, suối, ao, hồ
		Kênh, mương
		Đập
116	116	Bình độ, ghi chú độ cao bình độ. Điểm độ cao, ghi chú điểm độ cao

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Hà Nam, ngày tháng năm 202	*Hà Nam, ngày tháng năm 202*	*Thanh Liêm, ngày tháng năm 202*	*Hà Nam, ngày tháng năm 202*

NGUỒN TÀI LIỆU

- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thanh Liêm
- Sơ đồ Phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Hà Nam đến năm 2030

TỶ LỆ: 1/25.000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG:

- Công ty Cổ phần tư vấn Nam Hà Nội Land
- Công ty Cổ phần tư vấn và thương mại FITS Việt Nam